

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 702 /2023/HNGĐ-ST

Ngày: 29/11/2023

V/v Tranh chấp “Ly hôn”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Hồ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Phùng Văn Long.

2/ Bà Châu Bích Phượng.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành: Ông Võ Hồng Nhân, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2023 Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 586/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 213/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Đỗ Thị Kim N, sinh năm 1993;

Địa chỉ: ấp H, xã ĐH, huyện Châu Thành, Tiền Giang.

2/ Bị đơn: Đàm Sơn V, sinh năm 1979;

Địa chỉ: ấp H, xã ĐH, huyện Châu Thành, Tiền Giang.

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo nguyên đơn Đỗ Thị Kim N trình bày:**

Chị và anh V xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2012 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Châu Hưng, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng cuối năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do bất đồng về quan điểm sống, anh chị đã nhiều lần hòa giải mong hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Cả hai đã sống ly thân từ cuối năm 2020 cho đến nay. Nay chị yêu cầu xin ly hôn anh V.

Về con chung: có 02 con chung tên Đàm Ngọc N Y sinh năm 2012 và Đàm Ngọc N Q sinh ngày 16/02/2021. Sau ly hôn chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng là 5.000.000đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: chị N và anh V tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Đàm Sơn V trình bày:*

Anh V thống nhất với lời trình bày của chị N về quá trình kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn. Nay chị N yêu cầu xin ly hôn, anh có ý kiến như sau:

Về hôn nhân: không đồng ý ly hôn do còn thương vợ con.

Về con chung: có 02 con chung tên Đàm Ngọc N Y sinh năm 2012 và Đàm Ngọc N Q sinh ngày 16/02/2021. Nếu ly hôn anh V yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N Y, giao cháu N Q cho chị N nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: anh V và chị N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà sơ thẩm.

Nguyên đơn Đỗ Thị Kim N giữ nguyên yêu cầu ly hôn với bị đơn Đàm Sơn V. Về con chung chị N yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 02 con chung, yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con theo qui định của pháp luật. Về tài sản chung và nợ chung chị N và anh V tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn Đàm Sơn V không đồng ý ly hôn với chị N với lý do còn thương vợ con. Về con chung anh V yêu cầu được nuôi cháu N Y, giao cháu N Q cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung anh V và chị N tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm: Về phần thủ tục tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng khác trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định pháp luật. Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn, việc nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các qui định của pháp luật; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Yêu cầu ly hôn của nguyên đơn Đỗ Thị Kim N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Tiền Giang theo qui định tại khoản 1 điều 28, điều 35, điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Chị N và anh V xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2012 là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị N, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng phát sinh nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không thể hòa hợp dẫn đến vợ chồng gây gổ nhau. Mặt khác tại biên bản xác minh ngày 15/11/2023 xác định chị N và anh V có phát sinh mâu thuẫn. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị N và anh V là

trầm trọng, không thể chung sống được, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy yêu cầu ly hôn của chị N là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với lời trình bày của anh V còn tình cảm với vợ là không có cơ sở bởi lẽ từ khi chị N gửi đơn ly hôn đến nay anh V không có thiện chí cũng như hành vi thể hiện mong muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình, đồng thời tại phiên tòa chị N cương quyết ly hôn, do vậy lời trình bày của anh V là không có cơ sở nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung của chị N, Hội đồng xét xử xét thấy con chung hiện đang sống ổn định với chị N, nguyện vọng của cháu N Y muốn được sống chung với chị N, còn cháu N Q sinh ngày 16/02/2021 chưa đủ 36 tháng tuổi nên cần được sự chăm sóc của người mẹ. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của con chung cần giao con chung cho chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với qui định của pháp luật.

[4] Xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị N yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con theo qui định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy theo qui định của pháp luật mức cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận, tại phiên tòa chị N và anh V không thỏa thuận được. Do vậy căn cứ vào điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình qui định về cấp dưỡng và Công văn số 24/1999/KHXX ngày 17/3/1999 của Tòa án nhân dân tối cao, căn cứ vào thu nhập cũng như hoàn cảnh của anh V Hội đồng xét xử quyết định mức cấp dưỡng 1.500.000đ/tháng là có cơ sở, phù hợp với qui định của pháp luật. Nếu sau này con chung lớn, chi phí nuôi con tăng và anh V có thu nhập cao thì chị N có thể yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng theo qui định của pháp luật.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.500.000đ/tháng là có cơ sở, phù hợp với qui định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: chị N và anh V tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở, phù hợp với qui định của pháp luật, do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội chị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Anh V phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ các điều 56, 81, 82, 83, 116 của Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử :

1/ Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn Đỗ Thị Kim N.
Chị Đỗ Thị Kim N được ly hôn với anh Đàm Sơn V.

2/ Về con chung: Giao 02 con chung tên Đàm Ngọc N Y sinh ngày 13/9/2012 và Đàm Ngọc N Q sinh ngày 16/02/2021 cho chị Đỗ Thị Kim N được trực tiếp nuôi dưỡng, anh Đàm Sơn V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con mỗi mỗi cháu là 1.500.000đ/tháng, thực hiện từ tháng 01/2024 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh V được quyền thăm nom chăm sóc giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

3/ Về án phí: chị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, chị đã tạm nộp 300.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006586 ngày 13/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành chuyển thành án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Anh V phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

4/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi Cục THADS huyện Châu Thành;
- UBND nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

ĐÃ KÝ

Nguyễn Ngọc Hồ